

Số: 83/TB-THPT NT

Nam Trực, ngày 23 tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO

Công khai các điều kiện triển khai hoạt động giáo dục năm học 2026-2027

Căn cứ công văn số 1268/SGDĐT-QLCL ngày 21/4/2026 của Sở GD&ĐT Ninh Bình V/v hướng dẫn thi tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2026-2027;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THPT Nam Trực thông báo công khai các điều kiện triển khai hoạt động giáo dục và đảm bảo chất lượng năm học 2026-2027 như sau:

I/ THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT Nam Trực

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục

- Địa chỉ: Xã Nam Trực, tỉnh Ninh Bình.

- Điện thoại: 0228 3827099

- Thư điện tử: thpt.namtruc@namdinh.edu.vn

- Trang web: <https://thptnamtruc.ninhbinh.edu.vn>

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Trường THPT công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

- **Sứ mạng:** Tạo dựng môi trường học tập an toàn, nề nếp, kỷ cương, giàu chất nhân văn, uy tín về chất lượng giáo dục để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, tư duy sáng tạo, có khát vọng vươn lên và hạnh phúc khi đến trường.

- **Tầm nhìn:** Xây dựng ngôi trường có chất lượng giáo dục nằm trong 30 trường hàng đầu của tỉnh, nơi cha mẹ học sinh tin nhiệm, học sinh ưu tiên lựa chọn để học tập và rèn luyện. Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh tự hào, gắn bó, sáng tạo, cống hiến vì sự phát triển bền vững của nhà trường.

- **Mục tiêu:**

+ **Mục tiêu tổng quát:** Xây dựng nền giáo dục thực học, thực nghiệp, quản lý tốt, dạy tốt, học tốt, có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng chuẩn hóa, hiện đại hoá,

dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế. Phấn đấu đến năm 2030, trường Trung học phổ thông Nam Trực là một trong số những trường có chất lượng giáo dục nằm trong 30 trường của tỉnh.

+ Mục tiêu cụ thể năm học 2026-2027:

Lĩnh vực	Chỉ tiêu phấn đấu
Phát triển học sinh	Học sinh có thái độ, động cơ học tập tích cực, đúng đắn; có kỹ năng sống cơ bản, giao tiếp văn hóa, tự nguyện tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội. Bồi dưỡng, phát triển học sinh năng khiếu, tổ chức các câu lạc bộ để phát huy năng lực, phẩm chất của học sinh
Hạnh kiểm (Đạo đức)	Trên 99% học sinh xếp loại khá, tốt.
Học lực (Lên lớp)	Tỉ lệ lên lớp thẳng đạt từ 98% trở lên, lên lớp sau kiểm tra lại đạt 100%
Tốt nghiệp THPT	100% học sinh khối 12 đủ điều kiện dự thi và đỗ tốt nghiệp.
Tỉ lệ vào đại học	Khoảng 85% học sinh trở lên đỗ vào các trường đại học.
Xếp hạng chất lượng	Điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT, thi Hùng biện tiếng Anh, thi HSG văn hóa và các hội thi khác nằm trong Top 35 của tỉnh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Tháng 9 năm 1972, trường THPT Nam Trực là một phân hiệu được tách ra từ trường cấp III Lý Tự Trọng, mang tên Trường cấp III Nam Ninh, đặt địa điểm tại Thôn Phú Gia, xã Nam Toàn, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

Tháng 9 năm 1973, Ủy Ban hành chính tỉnh Nam Hà, Ty Giáo dục Nam Hà đã ra quyết định thành lập trường phổ thông cấp III Nam Ninh đặt địa điểm tại xã Nam Giang, huyện Nam Trực.

Từ tháng 7/1997, sau khi phân tách huyện Nam Ninh thành 02 huyện Nam Trực và Trực Ninh, trường chính thức mang tên Trung học phổ thông Nam Trực.

Năm học 2025-2026, nhà trường có 33 lớp học với tổng số học sinh là 1465 em. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường hiện tại là 85 người (trong đó cán bộ quản lý: 03 người, giáo viên: 74 người, nhân viên: 08 người). 100% cán bộ giáo viên, nhân viên đạt chuẩn và trên chuẩn, trong đó có 10 thạc sĩ.

Số lớp, số học sinh 5 năm gần đây:

Năm học	Khối		Khối		Khối		Tổng toàn trường	
	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh
2021-2022	11	442	11	437	11	441	33	1320

Năm học	Khối		Khối		Khối		Tổng toàn trường	
	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh
2022-2023	11	498	11	445	11	435	33	1378
2023-2024	11	498	11	501	11	444	33	1443
2024-2025	11	501	11	502	11	499	33	1502
2025-2026	11	462	11	501	11	502	33	1465

Trải qua hơn 50 năm xây dựng và trưởng thành, nhà trường đã đạt được nhiều thành tích đáng tự hào: được Thủ tướng chính phủ khen năm 2002, nhiều năm được công nhận là trường tiên tiến và tiên tiến xuất sắc. Trường luôn nằm trong top 20 của tỉnh Nam Định về thành tích thi học sinh giỏi, thi tốt nghiệp THPT và các cuộc thi, hội thi khác. Hàng năm, nhà trường có khoảng hơn 80% học sinh đỗ vào các trường đại học.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Hiệu trưởng: Đào Văn Duẩn
- Nơi làm việc: Xã Nam Trục, tỉnh Ninh Bình
- Số điện thoại: 0913 908188
- Thư điện tử: daovanduan.namtruc@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập:

Nhà trường được thành lập theo Quyết định số: 898/QĐ-TC ngày 09/8/1973 của Ủy ban hành chính tỉnh Nam Hà.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

Quyết định số: 1576/QĐ-SGDĐT ngày 19 tháng 9 năm 2024 về việc kiện toàn Hội đồng trường THPT Nam Trục của Giám đốc Sở GD&ĐT.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

- Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng: QĐ số 2152/QĐ-SGDĐT ngày 06/9/2022 của Giám đốc Sở GD&ĐT Nam Định; QĐ số 272/QĐ-SGDĐT ngày 10/7/2025 của Giám đốc Sở GD&ĐT Ninh Bình.

- Quyết định bổ nhiệm lại phó hiệu trưởng:

+ Nguyễn Thị Nhân: QĐ số 1461/QĐ-SGDĐT ngày 30/7/2024 của Giám đốc Sở GD&ĐT Nam Định; QĐ số 273/QĐ-SGDĐT ngày 10/7/2025 của Giám đốc Sở GD&ĐT Ninh Bình.

+ Nguyễn Văn Nam: QĐ số 195/QĐ-SGDĐT ngày 14/3/2025 của Giám đốc Sở GD&ĐT Nam Định; QĐ số 271/QĐ-SGDĐT ngày 10/7/2025 của Giám đốc Sở GD&ĐT Ninh Bình.

([Link các Quyết định bổ nhiệm viên chức quản lý](#))

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

Quyết định số 129/QĐ-THPT NT, ngày 14/10/2025 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động năm học 2025-2026 của trường THPT Nam Trực ([Link](#)).

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Địa chỉ gmail
1	Đào Văn Duẩn	Hiệu trưởng	0913908188	daovanduan.namtruc@gmail.com
2	Nguyễn Văn Nam	Phó hiệu trưởng	0963682568	nguyenvannam.namtruc@gmail.com
3	Nguyễn Thị Nhân	Phó hiệu trưởng	0917837226	nguyenthinhannd811@gmail.com

8. Một số văn bản khác

a) Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035

Kế hoạch số 302/KH-THPT NT ngày 19/12/2025 ([Link](#))

b) Quy chế dân chủ cơ sở

Quyết định số 130/QĐ-THPT NT của Hiệu trưởng Trường THPT Nam Trực ngày 14/10/2025 về việc ban hành Quy chế dân chủ trong trường học ([Link](#))

c) Quy chế chuyên môn

Quyết định số 127/QĐ-THPT NT của Hiệu trưởng Trường THPT Nam Trực ngày 14/10/2025 về việc ban hành Quy chế chuyên môn năm học 2025-2026 ([Link](#))

d) Quy chế làm việc

Quyết định số 129/QĐ-THPT NT của Hiệu trưởng Trường THPT Nam Trực ngày 14/10/2025 về việc ban hành Quy chế làm việc ([Link](#))

e) Quy tắc ứng xử

- Quy tắc ứng xử của nhà giáo:

Quyết định số 31/QĐ-THPT NT của Hiệu trưởng Trường THPT Nam Trực ngày 09/3/2026 về việc ban hành Quy tắc ứng xử của nhà giáo ([Link](#))

- Quy tắc ứng xử văn hoá:

Quyết định số 138/QĐ-THPT NT của Hiệu trưởng Trường THPT Nam Trực ngày 14/10/2025 về việc ban hành Quy tắc ứng xử văn hoá ([Link](#))

II/THU CHI TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

Các khoản thu, chi phân theo: Nguồn kinh phí

STT	Nguồn quỹ	Nội dung chi	Tỉ lệ chi %	Số tiền
1	Ngân sách 2025 và học phí: 19.979.938.000đ	Chi lương, các khoản đóng theo lương	88%	17.729.494.090đ
		Chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục.	12%	2.250.443.910đ

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí năm học 2025-2026 và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

STT	KHOẢN THU	Mức thu
	Các khoản thu theo Công văn	
1	Tiền coi xe (Theo CV số 927/SGDĐT-TC ngày 25/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)	10.000đ/hs/tháng (xe đạp) 15.000đ/hs/tháng (xe đạp điện)
2	Tiền nước uống (Theo CV số 927/SGDĐT-TC ngày 25/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)	10.000đ/hs/tháng
3	Tiền BHYT(theo CV 336/BHXH-QLT ngày 21/8/2025 của BHXH tỉnh Ninh Bình)	52.650đ/hs/tháng

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Thực hiện theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của chính phủ về quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực đào tạo.

Trong năm 2025, số tiền học sinh được miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập là 970.580.000đ.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): Không

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

Thực hiện theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Link công khai: Công khai tài chính

<https://thptnamtruc.ninhbinh.edu.vn/chuyen-muc/cong-khai/cong-khai-tai-chinh>

III/ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0								
9	Nhân viên phục vụ	1				1				
10	Nhân viên bảo vệ	2					2			

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định: 79/79, đạt 100%

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 79/79, đạt 100%

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

- Diện tích khu đất xây dựng trường: 14.053 m²

- Điểm trường: 01

- Diện tích bình quân: 9,35m²/1 học sinh, chưa đạt yêu cầu.

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

STT	Tên	Đối tượng sử dụng		Đơn vị tính	Số lượng hiện có	Đối chiếu với chuẩn tối thiểu		Số lượng cần đảm bảo chuẩn định mức tối thiểu	Đối chiếu CSVC hiện có so với yêu cầu của CTGDPT 2018		Ghi chú
		HS	GV			Chưa đáp ứng	Đáp ứng		Chưa đáp ứng	Đáp ứng	
1	Khối phòng học tập										
	Phòng học	x	x	Phòng	33 (54m ² /P)		x	1,5m ² /HS	x		Đang cải tạo, sửa chữa
	Phòng học bộ môn Vật lí	x	x	Phòng	1 = 60m ²		x	2m ² /HS		x	

STT	Tên	Đối tượng sử dụng		Đơn vị tính	Số lượng hiện có	Đối chiếu với chuẩn tối thiểu		Số lượng cần đảm bảo chuẩn định mức tối thiểu	Đối chiếu CSVC hiện có so với yêu cầu của CTGDPT 2018		Ghi chú
		HS	GV			Chưa đáp ứng	Đáp ứng		Chưa đáp ứng	Đáp ứng	
	Phòng học bộ môn Hóa học	x	x	Phòng	1 = 60m ²		x	2m ² /HS		x	
	Phòng học bộ môn Sinh học	x	x	Phòng	1 = 60m ²		x	2m ² /HS		x	
	Phòng học bộ môn Tiếng Anh	x	x	Phòng	2= 120m ²		x	2m ² /HS		x	
	Phòng học bộ môn Tin học	x	x	Phòng	2 =120m ²		x	2m ² /HS		x	
	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	x	x	Phòng	0	x		2,45m ² /HS	x		Đang xây mới
	Phòng học bộ môn Âm nhạc	x	x	Phòng	0	x		2,45m ² /HS	x		
	Phòng học bộ môn CN	x	x	Phòng	1 = 60m ²	x		2,45m ² /HS		x	
	Phòng học bộ môn KHXH	x	x	Phòng	0	x		1,5m ² /HS	x		Đang xây mới
	Phòng đa chức năng	x	x	Phòng	1= 60m ²	x		2m ² /HS		x	
	Phòng Hiệu trưởng		x	Phòng	1		x	1	x		Đang cải tạo, sửa chữa
	Phòng Phó hiệu trưởng		x	Phòng	2		x	2	x		
	Phòng Văn phòng		x	Phòng	1		x	1	x		
	Phòng Bảo vệ	x	x	Phòng	2		x	2	x		Đang xây mới
2	Khối phòng hỗ trợ học tập										
	Thư viện	x	x	Phòng	1=54m ²		x		x		Đang cải tạo, sửa chữa
	Phòng đọc thư viện	x	x	Phòng	1=54m ²		x		x		
	Phòng thiết bị	x	x	Phòng	0		x	48m ²	x		Đang

STT	Tên	Đối tượng sử dụng		Đơn vị tính	Số lượng hiện có	Đối chiếu với chuẩn tối thiểu		Số lượng cần đảm bảo chuẩn định mức tối thiểu	Đối chiếu CSVC hiện có so với yêu cầu của CTGDPT 2018		Ghi chú
		HS	GV			Chưa đáp ứng	Đáp ứng		Chưa đáp ứng	Đáp ứng	
	<i>giáo dục</i>										xây mới
	<i>Phòng tư vấn học đường</i>	x	x	Phòng	0		x	24m ²	x		
	<i>Phòng truyền thông</i>	x	x	Phòng	1=60m ²		x	48m ²		x	
	<i>Phòng Đoàn thanh niên</i>	x	x	Phòng	1=30m ²		x	45m ²	x		
3	<i>Khối phụ trợ</i>										
	<i>Phòng họp</i>		x	Phòng	1=120m ²		x	1,2m ² /người		x	Đang cải tạo, sửa chữa
	<i>Phòng tổ chuyên môn</i>		x	Phòng	7x24m ²		x	168m ²		x	
	<i>Phòng Y tế</i>	x	x	Phòng	1=20m ²		x	24m ²	x		Phá dỡ, xây mới
	<i>Nhà kho</i>	x	x	Phòng	2x54m ²		x	48m ²		x	Sửa chữa
	<i>Nhà xe giáo viên</i>		x	Nhà	1=258m ²		x			x	Sửa chữa
	<i>Nhà xe học sinh</i>	x		Nhà	3=912m ²		x	1600m ²	x		Mở rộng, sửa chữa
	<i>Nhà vệ sinh giáo viên</i>		x	Nhà	6=100m ²		x	150m ²	x		Mở rộng, sửa chữa
	<i>Nhà vệ sinh học sinh</i>	x		Nhà	12-180m ²		x		x		Đang xây mới thêm
	<i>Cổng, tường rào</i>	x	x	m	400m		x		x		

STT	Tên	Đối tượng sử dụng		Đơn vị tính	Số lượng hiện có	Đối chiếu với chuẩn tối thiểu		Số lượng cần đảm bảo chuẩn định mức tối thiểu	Đối chiếu CSVC hiện có so với yêu cầu của CTGDPT 2018		Ghi chú
		HS	GV			Chưa đáp ứng	Đáp ứng		Chưa đáp ứng	Đáp ứng	
4	<i>Khu sân chơi, thể dục thể thao</i>										Mở rộng
	<i>Sân chung</i>	x	x	m ²	2000m ²		x	2250m ²	x		Mở rộng
	<i>Sân thể dục thể thao</i>	x	x	m ²	200m ²		x	525m ²	x		Mở rộng
	<i>Nhà đa năng</i>				0			800m ²	x		Đang xây mới
5	<i>Hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống cấp nước sạch; cấp điện; chữa cháy</i>										
	<i>Hệ thống cấp nước sạch</i>	x	x		1		x			x	Bổ sung, sửa chữa
	<i>Hệ thống điện</i>	x	x		1		x		x		Bổ sung, sửa chữa
	<i>Hệ thống chữa cháy</i>	x	x		1		x		x		Bổ sung, sửa chữa
	<i>Hệ thống CNTT</i>	x	x		1		x		x		Bổ sung, sửa chữa
	<i>Khu thu gom rác thải</i>	x	x		1		x		x		Bổ sung

Ghi chú: Hiện tại nhà trường đang thực hiện Dự án Xây dựng, mở rộng, cải tạo Trường THPT Nam Trực theo Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 của UBND tỉnh Nam Định với các nội dung:

- Mở rộng diện tích đất 21,000m²;
- Cải tạo nhà lớp học 03 tầng 27 phòng học, 03 tầng 12 phòng học, nhà hiệu bộ;
- Xây dựng mới nhà đa năng, nhà văn phòng 01 tầng và các hạng mục phụ trợ.

c) Thiết bị dạy học

TT	Tên thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị tính	Số lượng hiện có	Đối chiếu thiết bị dạy học, giáo dục hiện có so với yêu cầu của CTGDPT 2018	
		HS	GV			Chưa đáp ứng	Đáp ứng
1	Thiết bị dùng chung					x	
1.1	Máy tính	x	x	Bộ	50	x	
1.2	Máy chiếu	x	x	Máy	45		x
1.3	Tivi	x	x	Cái	5		x
2	Thiết bị dạy học						
2.1	Thiết bị dạy học lớp 10	x	x	Bộ	4	x	
2.2	Thiết bị dạy học lớp 11	x	x	Bộ	4	x	
2.3	Thiết bị dạy học lớp 12	x	x	Bộ	4	x	
3	Thư viện						
3.1	Sách giáo khoa	x	x	Bộ	165		x
3.2	Sách thư viện	x	x	Cuốn	5740		x
3.3	Sách tham khảo	x	x	Cuốn	3502		x

d) Công cụ, dụng cụ phục vụ hoạt động dạy học, giáo dục

TT	Danh mục	Đối tượng sử dụng		Đơn vị tính	Số lượng hiện có	Đối chiếu công cụ, dụng cụ hiện có so với yêu cầu của CTGDPT 2018	
		HS	GV			Chưa đáp ứng	Đáp ứng
1	Công cụ, dụng cụ văn phòng		x				
1.1	Máy tính		x	Bộ	18		x
1.2	Máy in		x	Cái	10		x
1.3	Tủ hồ sơ		x	Cái	25		x
2	Công cụ, dụng cụ chuyên dùng		x				
2.1	Máy photocopy			Cái	0	x	

TT	Danh mục	Đối tượng sử dụng		Đơn vị tính	Số lượng hiện có	Đối chiếu công cụ, dụng cụ hiện có so với yêu cầu của CTGDPT 2018	
		HS	GV			Chưa đáp ứng	Đáp ứng
2.2	Máy scane		x	Cái	1		x
2.3	Máy Fax			Cái	0	x	
3	Công cụ, dụng cụ lớp học	x	x				
3.1	Bàn ghế GV		x	Bộ	33		x
3.2	Bàn ghế HS	x	x	Bộ	407		x
3.3	Bảng	x	x	Cái	52		x
3.4	Tivi	x	x	Cái	25		x
4	Công cụ, dụng cụ khác						
4.1	Nệm nhảy cao	x	x	Tám	6	x	
4.2	Bộ trụ xà nhảy cao	x	x	Bộ	3	x	
4.3	Cột bóng chuyền	x	x	Cột	0	x	
4.4	Cột cầu lông	x	x	Cột	6	x	

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

- Trường tự đánh giá hàng năm đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

[Báo cáo tự đánh giá năm học 2024-2025](#)

Kế hoạch cải tiến chất lượng ([Kế hoạch số 276/KH-THPT NT ngày 28/11/2025](#))

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm

- Trường được công nhận trường THPT đạt chuẩn quốc gia lần 1 năm 2017, được công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia năm 2023 (*Quyết định số: 1071/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 của UBND tỉnh Nam Định*)

- Trường được công nhận trường đạt chuẩn Xanh – Sạch – Đẹp – An toàn (*QĐ số: 1074/QĐ-SGDĐT ngày 25/8/2023 của Sở GD&ĐT Nam Định*).

- Thư viện nhà trường được công nhận Thư viện đạt chuẩn mức độ 1 (*QĐ số: 1073/QĐ-SGDĐT ngày 25/8/2023 của Sở GD&ĐT Nam Định*).

[Link kết quả đánh giá](#)

IV/KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

a) Kế hoạch tuyển sinh của nhà trường

- Kế hoạch tuyển sinh năm học 2025-2026 ([Thông báo số 80/TB-THPT NT ngày 06/5/2025](#));

- Kế hoạch tuyển sinh năm học 2026-2027 ([Thông báo số 82/TB-THPT NT ngày 23/4/2026](#))

b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Kế hoạch số 78/KH-THPT NT ngày 17/9/2025 ([Link](#))

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh

Quy chế phối hợp giữa nhà trường và cha mẹ học sinh ban hành kèm theo Quyết định số 72/QĐ-THPT NT ngày 15/9/2025 của Hiệu trưởng trường THPT Nam Trục ([Link](#))

Kế hoạch phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh năm học 2025-2026 ([Kế hoạch số 168/KH-THPT NT ngày 01/11/2025](#))

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh của nhà trường

- Kế hoạch công tác học sinh năm học 2025-2026 ([Kế hoạch số 58/KH-THPT NT ngày 09/9/2025](#))

- Kế hoạch công tác tư vấn học đường và công tác xã hội năm học 2025-2026 ([Kế hoạch số 284/KH-THPT NT ngày 02/12/2025](#))

- Kế hoạch tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đáp ứng yêu cầu xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc ([Kế hoạch số 327/KH-THPT NT ngày 30/12/2025](#))

- Kế hoạch tổ chức hoạt động các câu lạc bộ học sinh năm học 2025-2026 ([Kế hoạch số 83/KH-THPT NT ngày 19/9/2025](#))

- Kế hoạch tổ chức các cuộc thi, hoạt động của học sinh

<https://thpt-namtruc.ninhbinh.edu.vn/goc-hoc-sinh?isFeatured=1>

Facebook: <https://www.facebook.com/groups/hsnamtruc>

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường

- Kết quả tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026: 462 học sinh/11 lớp; đảm bảo đạt 100% chỉ tiêu.

- Số học sinh bình quân/lớp theo từng khối:

+ Khối 10: 462 học sinh, bình quân 42 học sinh/lớp

- + Khối 11: 501 học sinh, bình quân 45,55 học sinh/lớp
- + Khối 12: 502 học sinh, bình quân 45,64 học sinh/lớp.
- Số lượng học sinh học 02 buổi/ngày: 1465
(Buổi sáng học từ thứ 2 đến thứ 6; buổi chiều học thứ hai, thứ ba, thứ tư).
- Số lượng học sinh nam/học sinh nữ: Nam 621, nữ 844
- Số học sinh là người dân tộc thiểu số: 03 (Lớp 10: 02 học sinh, lớp 12: 01 học sinh)
- Số học sinh khuyết tật: 01 (Lớp 10)
- Số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường năm học 2025-2026:
 - + Số học sinh chuyển đi: 04
 - + Số học sinh chuyển đến: 06

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1502	501	502	499
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1481 98,60%	492 98,20%	492 98,01%	497 99,60%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	20 1,33%	8 1,60%	10 1,99%	2 0,40%
3	Trung bình (Đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	1 0,07%	1 0,20%	0 0,0%	0 0,0%
4	Yếu (Chưa đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1502	501	502	499
1	Giỏi (Tốt) (tỷ lệ so với tổng số)	644 42,88%	134 26,75%	198 39,44%	312 62,53%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	745 49,60%	305 60,88%	255 50,80%	185 37,07%
3	Trung bình (Đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	113 7,52%	62 12,37%	49 9,76%	2 0,40%
4	Yếu (Chưa đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0,00%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm học				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1502 (100%)	501 (100%)	502 (100%)	499 (100%)
a	Học sinh giỏi (Tốt) (tỷ lệ so với tổng số)	644 42,88%	134 27,65%	198 39,44%	312 62,53%

b	Học sinh khá (tỷ lệ so với tổng số)	745 49,60%	305 60,88%	255 50,80%	185 37,07%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	2 0,13%	1 0,02%	1 0,02%	0 0%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển đại học năm học 2024-2025.

- Số lượng học sinh tốt nghiệp: 499/499, đạt 100%
- Số học sinh trúng tuyển đại học: 422/499 (84,57%)

*** Kết quả các cuộc thi, hội thi, kỳ thi do Sở GD&ĐT tổ chức năm học 2025-2026**

Stt	Tên cuộc thi, kỳ thi, hội thi	Thành tích	Quyết định công nhận
1.	Thi GVCN lớp giỏi cấp tỉnh	01/01 giáo viên được công nhận là GVCN lớp giỏi	QĐ số: 591, ngày 09/4/2026 của SGD&ĐT Ninh Bình
2.	Thi Olympic “Tài năng tiếng Anh”	Đạt 01 giải Nhì, toàn trường xếp thứ 25, được tặng cờ giải Ba	Thông báo số 372/TB-SGDĐT ngày 09/02/2026
3.	Thi HSG các môn văn hóa	32/39 HS đạt giải (7 giải Nhì, 16 giải Ba, 9 giải Khuyến khích). Toàn đoàn xếp thứ 48	Thông báo số 29/TB-SGDĐT, ngày 11/02/2026 của SGD&ĐT Ninh Bình.
4.	Thi Olympic tài năng tiếng Anh qua giải Toán và các môn khoa học tự nhiên	12/24 HS đạt giải Khuyến khích, toàn đoàn xếp thứ 25, được tặng cờ giải Ba	QĐ số 250/QĐ-SGDĐT, ngày 09/02/2026 của SGD&ĐT Ninh Bình.
5.	Thi KHKT&Stem	01 giải Ba lĩnh vực KHKT, 01 giải Xuất sắc lĩnh vực Stem Toàn đoàn xếp thứ 37, được tặng Cờ giải Khuyến khích	QĐ số 21/QĐ-SGDĐT, ngày 09/01/2026 của SGD&ĐT Ninh Bình

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (b/c);
- Niêm yết bản tin;
- Đăng tải Website;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đào Văn Dẫn